

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ FUDECO VINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ FUDECO VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FUDECO VINA INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FUDECO VINA.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107729035

3. Ngày thành lập: 17/02/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 52-TT4B-khu đô thị Văn Quán, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: fudeco.jsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình công ích	4220
2.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của tòa nhà, đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá; lợp mái bao phủ tòa nhà; dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; các công việc dưới bề mặt; xây dựng bể bơi ngoài trời; thuê cần trục có người điều khiển;	4390
4.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn kim loại và quặng kim loại Bán buôn sắt, thép Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình.	4662
5.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810
6.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ môi giới và quản lý bất động sản;	6820
7.	Phá dỡ	4311
8.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

9.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
10.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
12.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
14.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động đo đạc bản đồ; Hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước;	7110
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: - Hoạt động khoan thử và đào thử. - Hoạt động dịch vụ khai thác như các thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò;	0990
18.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
19.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
20.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;	4210
21.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
22.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
23.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
24.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
25.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

26.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân; - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học;	3900
27.	Cho thuê xe có động cơ	7710
28.	Quảng cáo	7310
29.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
30.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị văn phòng;	7730
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
32.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
33.	Khai thác và thu gom than non	0520
34.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
35.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
36.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về nông học; tư vấn về môi trường; tư vấn về công nghệ khác; Hoạt động tư vấn khác;	7490
37.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
38.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
39.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
40.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, cát, đá, sỏi; kính xây dựng, sơn, véc ni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn đồ ngũ kim; ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép; bán buôn dụng cụ cầm tay như búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác;	4663
41.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa	5222
43.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

44.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
45.	Thu gom rác thải độc hại	3812
46.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
47.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
48.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
49.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
50.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
51.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
52.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng đường hầm;	4290
53.	(Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ DUY HIỀN	Tân Đệ, Xã Tân Lập, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	18.000	180.000.000	2,000	151220210	
			Tổng số	18.000	180.000.000	2,000		
2	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	Đội 1, Xã Phùng Xá, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	72.000	720.000.000	8,000	0011810139 17	
			Tổng số	72.000	720.000.000	8,000		
3	LƯU THÀNH TRUNG	Xóm Trường Xuân, Xã Duy Nhất, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	810.000	8.100.000.000	90,000	151254845	
			Tổng số	810.000	8.100.000.000	90,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN THỊ NGỌC ÁNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/11/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001181013917

Ngày cấp: 24/06/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 1, Xã Phùng Xá, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Đội 1, Xã Phùng Xá, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội